

SỬ DỤNG LAO ĐỘNG Ở LÀNG NGHỀ LA PHÙ THỜI MỞ CỬA

TRẦN THỊ HỒNG YẾN

La Phù là một xã ở phía nam huyện Hoài Đức tỉnh Hà Tây, cách Thủ đô Hà Nội 13 km. Ngoài nông nghiệp, làng này đã từng nổi tiếng với nhiều nghề thủ công nh- : dệt lụa, dệt kim, dệt len, chế biến nông sản thực phẩm... Bài viết này giới thiệu việc sử dụng lao động của làng nghề La Phù trong giai đoạn từ 1986 đến nay.

1. Sử dụng lao động trong nông nghiệp

Từ năm 1993, nền kinh tế thủ công nghiệp ở La Phù bắt đầu khởi sắc từ nghề dệt, cũng từ đó, số hộ chuyên sản xuất thủ công nghiệp (TCN) tăng lên không ngừng, trong khi đó số hộ thuần

nông nghiệp ngày càng giảm. Sự phát triển của TCN đã làm cho c- dân ở đây không còn thiết tha với nghề nông nữa. Lợi nhuận thu đ- ợc từ TCN gấp từ 5 đến 10 lần, thậm chí 20 lần so với nông nghiệp. Ví dụ, năm 2005, bình quân thu nhập đầu ng- ời ở La Phù là 8,6 triệu đồng/ng- ời/năm. Chính vì thế họ đã chuyển mạnh sang sản xuất TCN và thuê ng- ời thay họ làm ruộng. Theo thống kê của địa ph- ơng, năm 2005 không còn hộ nào ở La Phù làm nông nghiệp mặc dù họ vẫn giữ ruộng. Có thể thấy diễn biến của hiện t- ợng này qua bảng sau:

Chuyển đổi hoạt động sản xuất của các hộ

Năm \ Hộ	1993		1998		2000		2005	
	Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Tổng số hộ	1566	100,0	1740	100,0	1800	100,0	2026	100,0
CN-TCN	600	38,3	1392	80,0	1440	80,0	1702	84,0
Dịch vụ	50	3,2	215	12,4	260	14,4	324	16,0
Thuần nông	916	58,5	133	7,6	100	5,6	0	0,0

Nguồn: Phòng Công nghiệp huyện Hoài Đức và UBND xã La Phù

Các số liệu trên cho thấy, chỉ sau hơn 10 năm chuyển đổi cơ cấu kinh tế, số hộ sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp (CN- TCN) đã chiếm 84,%, số hộ làm dịch vụ chiếm 16%, số hộ sản xuất nông nghiệp - 0%. Toàn bộ các hộ gia đình ở La Phù đã chuyển hẳn sang sản xuất TCN và dịch vụ, không trực tiếp sản xuất nông nghiệp nữa. Trên danh nghĩa, họ vẫn nhận ruộng của HTX nông nghiệp nh- ng thuê ng- ời khác đến làm. □ớc tính hàng năm có đến 12.000 l- ợt lao động nông nghiệp làm thuê cho các hộ ở làng La Phù.

Thợ làm ruộng thuê đến từ các xã lân cận nh- Quốc Oai, An Khánh, Minh Khai hay từ các

huyện khác của tỉnh Hà Tây nh- Mỹ Đức, Quốc Oai, thậm chí từ các tỉnh Phú Thọ, Bắc Giang, Thanh Hoá.... Họ đứng chờ thành tốp ở cổng trước và cổng sau của làng vào lúc 5 giờ sáng các ngày trong tuần với số l- ợng có lúc lên tới hàng trăm ng- ời/ngày. □ La Phù có 2 hình thức thuê thợ làm nông nghiệp:

+ Thuê theo ngày: Giá cả đ- ợc trả theo công việc; ví dụ: cấy lúa, gặt lúa 50.000đồng/ngày; cày ải, phát bờ, cuốc góc 40.000đồng/ngày.

+ Thuê khoán theo vụ: Chủ ruộng khoán gọn theo giá 200.000đồng/sào/vụ. Ng- ời thuê đảm

nhận từ khâu làm đất đến gặt lúa. Ng-ời chủ ruộng chỉ việc nhận thóc sau mùa thu hoạch.

Việc thuê lao động trong nông nghiệp đã có từ lâu ở nhiều vùng nông thôn, nhất là ở các làng TCN nh- La Phù, nh-ng việc thuê m-ón tr-ớc đây chỉ mang tính nhỏ lẻ ở một số hộ gia đình. Còn ở La Phù ngày nay, việc thuê lao động nông nghiệp diễn ra phổ biến trong toàn xã và kéo dài suốt năm d-ới hai hình thức nh- trên. Đây cũng là một hình thức giữ ruộng đất. Với việc thuê lao động làm công việc đồng áng, ng-ời La Phù vừa giữ ruộng đ-ợc giao, vừa rảnh tay tập trung cho ngành nghề phi nông nghiệp.

2. Sử dụng lao động trong TCN

Hàng năm La Phù có từ 15 đến 16 ngàn lao động đến làm thuê trong lĩnh vực CN - TCN. Việc sử dụng lao động trong lĩnh vực này tuy thuộc vào qui mô sản xuất của các chủ thể kinh tế.

2.1 Sử dụng lao động của các hộ tiểu chủ

Tr-ớc năm 1990, lao động TCN ở La Phù đ-ợc sử dụng trong mô hình hợp tác xã thủ công nghiệp (HTX TCN), ch- a có lao động làm thuê ở bên ngoài. Sau năm 1990, HTX TCN La Phù tan rã, số lao động dẹt trong HTX chuyển sang sản xuất ở nhiều lĩnh vực khác nh- : làm miến, làm bún, nấu nha, sản xuất bánh kẹo... Một số rất ít hộ gia đình làm nghề dẹt bằng chiếc máy cũ kỹ thời Pháp đ-ợc HTX thanh lý. Số lao động này chủ yếu dẹt thuê (bo gấu áo gió) cho làng Cổ Nhuế. Đến năm 1993, nghề dẹt len dần đ-ợc khôi phục lại trong các hộ gia đình ở La Phù.

Qui mô sản xuất tiểu thủ công nghiệp của hộ gia đình thời kỳ mở cửa thay đổi theo 2 giai đoạn: từ 1993 đến 1995 và từ 1995 đến nay:

+ *Giai đoạn 1993 - 1995*: Chủ gia đình thuê thợ dẹt ở tại nhà mình.

Việc thuê thợ trong lĩnh vực sản xuất TCN ở La Phù bắt đầu từ năm 1993, khi sản phẩm dẹt len chuyển sang xuất khẩu. Do công việc nhiều, họ phải thuê thêm ng-ời làm. Trong tr-ờng hợp

này ng-ời chủ gia đình là ng-ời sản xuất chính đồng thời cũng là ng-ời điều hành, quản lý sản xuất tại gia đình. Ng-ời thợ làm thuê chịu sự h-ớng dẫn của chủ nhà. Mỗi gia đình thuê khoảng 5-7 lao động.

Công việc chọn thợ dẹt th-ờng khát khe hơn so với thuê thợ làm nông nghiệp: phải trẻ, nhanh nhẹn, khéo tay, hơn nữa sẽ phải học nghề dẹt, ăn ở tại nhà chủ nên phải chọn những ng-ời tin t-ởng tốt bụng và hiền lành... Trong giai đoạn đầu thuê thợ, yếu tố quen biết, tin t-ởng đ-ợc đặt lên hàng đầu. Chính vì thế những ng-ời nông dân ở 2 làng Tân Hoà, Cộng Hoà (Quốc Oai) tr-ớc đây từng là đối tác bán bột dong và bột sắn cho La Phù làm miến và nấu nha thời kỳ sau HTX TCN tan rã, họ là những ng-ời thợ đ-ợc tuyển chọn đầu tiên.

Thợ ở gần thì hàng ngày đến nhà làm việc, còn thợ ở xa thì đ-ợc đón về nhà nuôi ăn 2 tháng đầu trong thời gian học việc với mức l-ơng là 200 nghìn đồng/ ng-ời. Sau 2 tháng nếu dẹt giỏi thì mức l-ơng tính theo sản phẩm, còn nếu không dẹt đ-ợc thành thạo thì ng-ời đó sẽ bị sa thải vì bị coi là không khéo tay. Tùy theo từng loại mặt hàng mà số l-ợng sản phẩm dẹt đ-ợc trong ngày khác nhau và mức l-ơng đ-ợc tính theo sản phẩm. Ví dụ trung bình một ng-ời thợ dẹt giỏi dẹt đ-ợc 40 chiếc áo len / ngày, giá tiền công đ-ợc trả là 30 - 40 nghìn đồng... Mức l-ơng trung bình của thợ bậc giỏi từ 1-1,2 triệu đồng/ng-ời/tháng; thợ bậc trung bình từ 700 - 800 nghìn đồng/ng-ời/tháng.

Thợ đến làm thuê ở giai đoạn này th-ờng yên vị, trung thành với chủ, không "đứng núi này, trông núi nọ". Khi đ-ợc trả công, họ cũng không so đo với giá cả của những gia đình xung quanh. Chủ nhà không phải lo việc thợ bỏ nhà mình đi làm cho nhà khác. Giai đoạn này vẫn ch- a có sự cạnh tranh thuê lao động giữa các hộ gia đình trong làng.

+ *Giai đoạn sau 1995*

Từ sau năm 1995 trở đi, cùng với sự phát triển của nghề dẹt, số lao động đến làm thuê ngày càng nhiều lên. Thợ làm thuê kéo về La Phù không chỉ

từ những xã quen biết như ở đây mà còn từ các huyện trong tỉnh như: Quảng Hoà, Mỹ Đức, Chông Mỹ,...các tỉnh Thái Bình, Thanh Hoá, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Bắc Ninh... Mỗi gia đình đã thuê từ một chục đến vài chục lao động. Do vậy, một hình thức tổ chức sản xuất mới ra đời: đó là đi thuê máy và nguyên liệu về nhà cho các hộ ở gần làm thuê. Mô hình sản xuất này giải quyết được khó khăn về mặt bằng và tiết kiệm được thời gian đi lại cho người sản xuất. Tuy nhiên nó cũng có hạn chế, đó là việc sản xuất không được tập trung nên chủ nhà phải vất vả tập kết hàng.

Mô hình cho phép người làm thuê mang máy dẹt và len về nhà làm ngày càng trở nên phổ biến. Có đến 70% số hộ gia đình của hai làng Cộng Hoà và Tân Hoà (Quốc Oai) dẹt thuê cho La Phù và số máy dẹt do các chủ của La Phù đầu tư ở đây lên tới 3000 máy/tổng số 8000 máy dẹt của các chủ không phải là người làng. Những thợ làm thuê theo cách này được gọi là "thợ vệ tinh" và máy móc của chủ đầu tư cho họ sản xuất tại nhà được gọi là "máy vệ tinh".

Cứ khoảng vài ngày hay một tuần những người thợ làm thuê lại đến nhà chủ giao hàng và nhận nguyên liệu về làm. Do cách thức tổ chức như vậy nên một gia đình ở La Phù có khi có tới vài chục hay hàng trăm máy dẹt và hàng trăm thợ vệ tinh.

Tổ chức sản xuất theo mô hình thợ vệ tinh, người thợ có những thuận lợi và khó khăn nhất định: thứ nhất, họ được lấy nguyên liệu về nhà làm, không phải đặt tiền cọc; thứ hai, họ có thể huy động toàn bộ lao động trong nhà làm ngày làm đêm để có nhiều thu nhập, tranh thủ tối đa thời gian nhàn rỗi; thứ ba, họ không bị qui định bởi giờ giấc khát khe, cứ hai ba ngày hay một tuần, tùy thuộc vào công việc, họ đến nhà chủ trả hàng, nhận nguyên liệu mới về làm. Họ có thể đến trả hàng vào bất cứ lúc nào trong ngày: sáng, trưa, chiều, tối. Như vậy họ được chủ động thời gian của mình. Như người gặp phải khó khăn ở phương thức thanh toán tiền công. Các chủ hộ La Phù này thường để tới cuối năm mới thanh toán

cho thợ. Hàng tháng thợ làm thuê chỉ được ứng trả vài trăm ngàn đồng. Cách trả lương này một phần do hàng hoá xuất khẩu đi nước ngoài thường có thời gian quay vòng lâu, vài tháng kể từ lúc mới đặt hàng, các đối tác nước ngoài lại chỉ thanh toán tiền sau khi họ đã nhận được hàng nên các chủ hộ La Phù không ứng trả tiền túi của mình ra trả công cho thợ vì họ cần dành tiền quay vòng kinh doanh. Mặt khác do chủ cũng muốn "nắm đằng chuôi", mỗi khi hàng mắc lỗi, có thể trừ tiền của thợ một cách dễ dàng và phần nào cũng kìm chân để người thợ chỉ làm với mình. Chính vì thế, những thợ đến nhận hàng của các chủ hộ La Phù thường là những lao động làm nông nghiệp gần La Phù, họ có nghề trồng lúa, có lương thực ổn định. Số tiền công họ lĩnh vào cuối năm chỉ để dành dụm hoặc chi tiêu cho những việc lớn như xây nhà, sắm xe máy, cho con học đại học...

Các chủ hộ La Phù cũng là những người giữ chữ "tín" để làm ăn lâu dài nên cuối năm dù lãi nhiều hay lãi ít họ cũng thanh toán tiền công với thợ làm thuê rất sòng phẳng. Do vậy, có những hộ gia đình vệ tinh cuối năm nhận được số tiền lớn lên tới 40 - 50 triệu đồng. Các chủ máy ở La Phù (bao gồm vợ, chồng, con cái) trực tiếp tham gia dẹt len như nay làm công việc quản lý, điều hành, kiểm tra và tiêu thụ sản phẩm. Điều đó biến họ thành người đặt hàng và bao tiêu sản phẩm. Họ tách ra khỏi sản xuất TCN trực tiếp nhờ sự thay thế của lao động vệ tinh. Họ trở thành khâu trung gian giữa các công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) và các hộ lao động vệ tinh.

Những chủ hộ gia đình La Phù này thường nhận nguyên liệu và đơn đặt hàng từ các công ty TNHH rồi giao cho các thợ vệ tinh. Hiện nay có tới 90% số hộ gia đình ở La Phù nhận làm hàng xuất khẩu cho các công ty TNHH.

2.2 Sử dụng lao động của các tổ hợp sản xuất

Đây là hình thức tổ chức sản xuất nối tiếp và phát triển cao hơn của hình thức tổ chức sản xuất

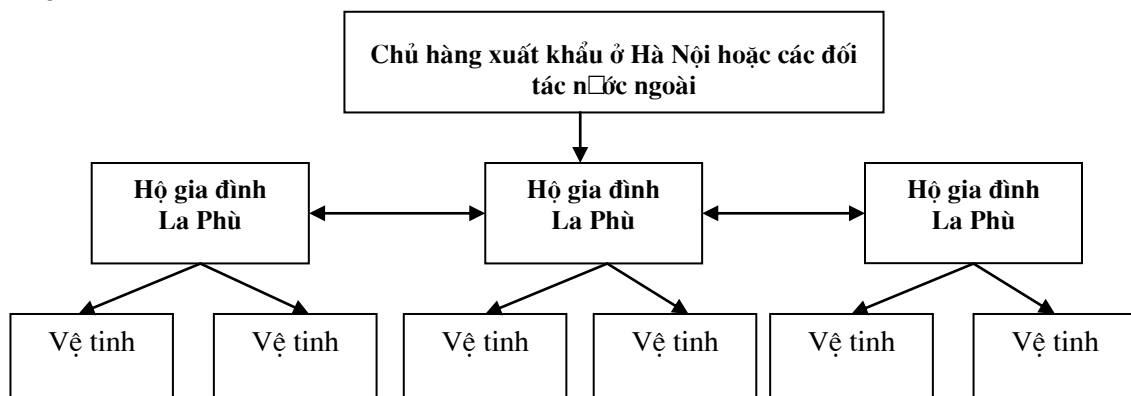
gia đình cá lẻ. Tr-ớc đây, khi có đơn đặt hàng, các chủ hàng phải thu gom hàng hoá của nhiều gia đình khác nhau để chuẩn bị cho một lô hàng xuất khẩu khiến họ bị ðộng, chất l-ợng hàng hoá th-ờng không ðồng nhất và không ðúng hạn. Từ năm 1993 trở ði nền sản xuất hàng hoá ở La Phù phát triển mạnh, sản phẩm chủ yếu là ðể xuất khẩu. ðể khắc phục tình trạng trên, các chủ hàng ở La Phù ðã liên kết với nhau tạo ra một mô hình sản xuất mới, ðó là tổ hợp sản xuất (chủ yếu gồm các gia đình có mối quan hệ họ hàng trong làng).

Các tổ hợp sản xuất ra ðời ðáp ứng ð-ợc nhu cầu huy ðộng về vốn và nhân lực để mở rộng qui mô sản xuất, trang bị máy móc thiết bị hiện ðại, ðảm bảo thực hiện ðúng thời hạn hợp ðồng và ðúng chất l-ợng sản phẩm.

Hiện nay ở La Phù có hàng chục tổ hợp sản xuất gia đình. Về cách thức tổ chức sản xuất và

sử dụng lao ðộng, các tổ hợp sản xuất về cơ bản hoạt ðộng giống nh- các gia đình tr-ớc ðây, bao gồm bản thân các gia đình hợp thành tổ hợp và các vệ tinh của họ nh- ng qui mô sản xuất và vốn ðầu t- lớn hơn (khoảng từ một ðến vài tỉ ðồng). Ví dụ tổ hợp sản xuất nhà anh Sinh, Chủ tịch xã La Phù có 250 máy dệt len, 42 máy dệt tăt, hàng chục máy vắt sỏ và máy may, hàng chục tấn len nguyên liệu.

Khác với mô hình sản xuất gia đình, các tổ hợp sản xuất này th-ờng làm hàng xuất khẩu trực tiếp cho các chủ hàng ở Hà Nội hay nhận đơn đặt hàng trực tiếp từ các ðối tác n-ớc ngoài chứ không nhận đơn đặt hàng của các công ty TNHH. Hàng năm mỗi gia đình trong tổ hợp thu tiền lãi từ vài chục ðến vài trăm triệu ðồng. Có thể thể hiện mô hình sản xuất và sử dụng lao ðộng của các tổ hợp này nh- sau:



2.3. Sử dụng lao ðộng của công ty TNHH

Mô hình công ty TNHH ở La Phù bắt ðầu phát triển từ năm 1997 - 1998 ðến nay. Năm 2005, La Phù có 26 công ty TNHH. Các công ty TNHH ở La Phù ra ðời trên cơ sở một số hộ cá lẻ hay tổ hợp sản xuất có t- cách pháp nhân trong việc giao dịch, tăng c-ờng năng lực cạnh tranh trên thị tr-ờng và tận dụng nguồn vốn ð-ợc Nhà n-ớc hỗ trợ. ðiển hình là các công ty Minh Ph-ong, ðức C-ờng, Vĩnh Thịnh... ðây là những công ty có số vốn lớn từ vài tỉ ðến hàng chục tỉ ðồng. Họ là những chủ làm hàng xuất khẩu trực tiếp ði n-ớc ngoài mà không thông qua bất cứ khâu trung gian nào.

Các công ty TNHH th-ờng có qui mô sản xuất lớn (nhà x-ởng rộng từ vài trăm ðến vài nghìn mét vuông, máy móc hiện ðại, số l-ợng công nhân khoảng 300 ðến 500 ng-ời và hàng nghìn thợ vệ tinh), cách thức ðiều hành tổ chức sản xuất chặt chẽ (có các phòng ban chức năng).

Các công ty TNHH sử dụng lao ðộng chủ yếu ð-ới 2 hình thức:

- *Lập x-ởng dệt của công ty:* mỗi x-ởng có từ 300 ðến 500 công nhân, là những nơi sản xuất thử các mẫu mã mới ðể chào hàng hay sản xuất thử những mẫu hàng mới do ðối tác yêu cầu. Công nhân ð-ợc tuyển vào ðây là những ng-ời có trình ðộ tay nghề cao, ðệt giỏi, trẻ tuổi, ðến

công ty làm việc đúng giờ, ngày làm việc từ 8 đến 10 tiếng... Họ đ-ợc trả l-ơng theo tháng tùy theo khối l-ợng sản phẩm. Mức l-ơng trung bình từ 1 triệu đến 1,5 triệu/ng-ời/tháng.

Công nhân làm việc tại các công ty TNHH th-ờng từ các tỉnh xa đến, họ thuê nhà ở vùng lân cận La Phù nên họ cần tiền l-ơng hàng tháng để chi tiêu và gửi về giúp gia đình.

Liên kết sản xuất với các hộ gia đình ở La Phù

Các hộ gia đình nhận đơn đặt hàng của các công ty TNHH đ-ợc gọi là chủ liên doanh liên kết. Đây là những hộ sản xuất đơn lẻ, ch- a tham gia vào các tổ hợp sản xuất nên số vốn không lớn (khoảng một vài trăm triệu đồng). Họ không có khả năng thực hiện các hợp đồng lớn hoặc trực tiếp xuất khẩu nên đôi khi họ hùn vốn với các công ty TNHH ở làng để cùng làm ăn, đôi bên cùng có lợi. Hình thức liên kết này rất phổ biến ở La Phù và dựa trên cơ sở quan hệ có đi có lại. Công ty đòi hỏi các chủ hộ phải có trách nhiệm cao đối với các sản phẩm mà vệ tinh của họ sản xuất ra. Khi hàng có lỗi thì công ty trừ tiền của chủ hộ. Khi đ-ợc giao nguyên liệu chủ hộ liên doanh, liên kết không phải trả tiền cọc. Đổi lại các chủ liên doanh này đ-ợc: đảm bảo luôn luôn có việc làm, những lúc hàng khan thì đ-ợc -u tiên giao việc; chỉ phải thanh toán vào cuối năm hoặc khi hết thời hạn đã giao hẹn. Về mô hình sử dụng lao động này, công ty Minh Ph-ơng (xóm Chùa Tổng) là một ví dụ:

Công ty TNHH Minh Ph-ơng có diện tích nhà x-ởng trên 2.000 m² với 300 máy dệt, máy may, máy vắt sợi hiện đại của Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc đặt tại x-ởng. Số thợ dệt làm việc trực tiếp tại x-ởng của công ty lên tới 450 ng-ời. Ngoài ra công ty còn có 150 hộ liên doanh ở La Phù nhận dệt hàng cho công ty với số vệ tinh lên đến hơn 1.000 ng-ời. Công ty th-ờng giao cho các gia đình dệt các phần thô của sản phẩm (ví dụ: thân sau, tay, gấu áo len giao cho các hộ gia đình, còn phần vạt tr-ớc của áo thì dệt ngay tại x-ởng của công ty bởi những

ng-ời thợ giỏi cùng với những máy móc hiện đại). Đây chính là một trong những "thủ thuật" kinh doanh của các nhà sản xuất. Họ không đầu t- trần lan mà chỉ chú trọng vào một số khâu chính để hạ giá thành sản phẩm. Công ty có phòng tạo mẫu, phòng kỹ thuật kiểm tra chất l-ợng sản phẩm (OTK), các cơ sở sản xuất bao bì, ni lông đóng gói, nhãn mác, chun, khoá...

Các hộ gia đình ở La Phù không có vốn lớn để liên doanh liên kết vẫn có thể làm hàng cho các công ty TNHH, bằng cách đặt tiền cọc khi lấy nguyên liệu về làm (1 bao len 24 kg t-ơng đ-ơng với 1 triệu đồng đặt cọc). Nh-ng các công ty TNHH thích giao hàng cho các chủ liên doanh liên kết hơn (vì khối l-ợng hàng hoá họ đảm nhận lớn, đỡ mất thời gian giao hàng nhỏ lẻ). Do đó, các hộ gia đình có vốn ít ở La Phù th-ờng nhận hàng ở các doanh nghiệp t- nhân hay ở các "tổ hợp sản xuất". Với quan hệ này, đôi khi họ không phải đặt tiền cọc do quen biết; vả lại, l-ợng len họ nhận cũng không đáng kể. Họ trả sản phẩm và nhận nguyên liệu cho dệt làm mới sau khoảng 2 hoặc 3 ngày. Mặc dù l-ợng vốn không nhiều, nh-ng các hộ này cũng là những chủ nhỏ vì họ có thợ vệ tinh của riêng mình. Những lúc nhiều hàng, thợ vệ tinh của họ lên tới vài chục ng-ời, lúc ít khoảng dăm bảy ng-ời.

Nh- vậy, việc tổ chức sản xuất và sử dụng lao động trong TCN ở La Phù cho thấy:

- Quan hệ sản xuất (vai trò trong tổ chức sản xuất cũng nh- việc làm giữa các chủ với nhau, giữa chủ và thợ, giữa ng-ời La Phù và các vệ tinh cũng nh- ng-ời làm thuê ngoài làng) tùy thuộc vào số vốn, khả năng tiêu thụ, qui mô sản xuất.

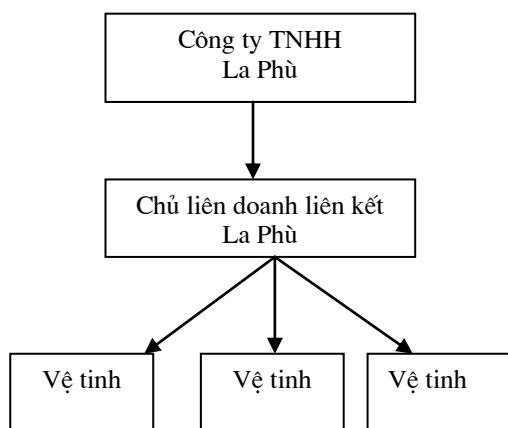
- Quan hệ giữa ng-ời La Phù với nhau là quan hệ của các chủ to nhỏ (từ tiểu chủ hộ gia đình tới các tổ hợp sản xuất và các công ty TNHH) d-ới hình thức tự chủ sản xuất hay liên doanh liên kết hoặc nhận thầu theo hợp đồng kinh tế.

- Quan hệ giữa ng-ời La Phù với ng-ời ngoài làng là quan hệ giữa chủ và ng-ời làm thuê d-ới hình thức các vệ tinh hay lao động trực tiếp.

Cơ chế tổ chức sản xuất cũng nh- sử dụng lao động ở La Phù nh- ta thấy ở trên chỉ tạo điều kiện cho ng-ời ở làng La Phù làm chủ mỗi hàng chứ không tạo điều kiện cho ng-ời từ các nơi khác làm chủ. Có 3 lý do chính qui định mối quan hệ nh- trên giữa ng-ời La Phù với ng-ời làm thuê ngoài làng:

+ Các công ty TNHH, các tổ hợp sản xuất hay các doanh nghiệp t- nhân là những đầu mối giao hàng, chỉ muốn giao cho ng-ời La Phù vì họ nắm rõ thực lực kinh tế, năng lực sản xuất của từng hộ trong khi thực hiện các đơn đặt hàng.

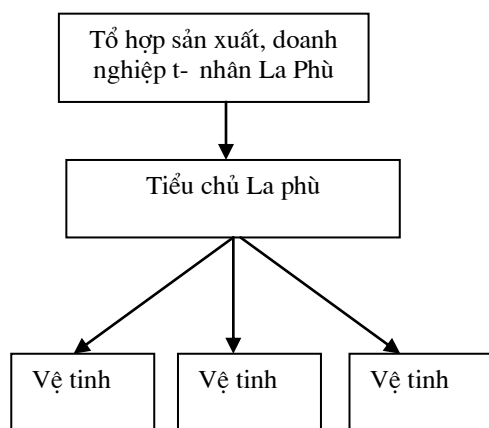
+ Ng-ời làng La Phù có nghề dệt len truyền thống lâu đời, họ là những ng-ời dệt đẹp nhất và



có kỹ thuật nhất nên họ nắm vai trò h-ớng dẫn và kiểm tra kỹ thuật sản phẩm.

+ Giao hàng cho ng-ời làng thì các công ty TNHH hay tổ hợp sản xuất không lo bị mất hàng.

Chính các yếu tố này đã quy định vai trò tổ chức, điều hành sản xuất của các công ty TNHH, các tổ hợp sản xuất, các chủ lớn ở La Phù và quan hệ giữa họ với các hộ gia đình vệ tinh, củng cố vai trò trung tâm kinh tế vùng của La Phù đối với các vùng xung quanh. Có thể thấy các quan hệ đó qua sơ đồ sau:



2.4. Hiệu quả của việc tổ chức sản xuất và sử dụng lao động ở La Phù

Trong 3 mô hình sản xuất nói trên, mô hình tiểu chủ hộ gia đình là chủ yếu; tiếp đến là các tổ hợp sản xuất và công ty TNHH. Các mô hình này tuy khác nhau về qui mô sản xuất, vốn, số l-ợng lao động, nh-ng có điểm giống nhau là đều sử dụng lao động vệ tinh và 90% l-ợng hàng dành cho xuất khẩu đi Mỹ và các n-ớc Châu Âu... Nếu các công ty TNHH, các tổ hợp sản xuất là những hạt giống mang tiến bộ khoa học kỹ thuật, mang những hợp đồng sản xuất về cho làng nghề thì các tiểu chủ gia đình là cầu nối giữa các vệ tinh giúp hoàn thành hợp đồng nhanh nhất và có hiệu quả nhất.

Với cách thức tổ chức sản xuất, sử dụng lao động vệ tinh ở tất cả các mô hình vừa nêu ở trên,

có thể nói, La Phù đã sử dụng một cách có hiệu quả nguồn lao động, tiết kiệm đ-ợc tới mức tối đa nguồn vốn đầu t- cho chi phí sản xuất trong khi nền kinh tế gia đình của ng-ời dân còn hạn hẹp.

Mỗi chủ hộ kinh doanh ở La Phù có từ vài chục đến vài trăm lao động vệ tinh còn mỗi công ty TNHH có tới hơn 1.000 lao động vệ tinh nên La Phù có thể hoàn thành những đơn đặt hàng lớn trong thời gian ngắn nhất mà các đối tác yêu cầu.

Đối với các công ty TNHH, tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đi các n-ớc hàng năm lên tới từ 10 - 20 tỉ đồng Việt Nam/công ty. Riêng công ty Minh Ph-ơng, hàng năm xuất khẩu khoảng 2 triệu sản phẩm (chủ yếu là quần len, áo len, mũ len) với tổng giá trị 20 tỉ đồng.

Gia đình anh An Dung (49 tuổi, xóm Hoa Thám) chuyên sản xuất mặt hàng mũ len xuất khẩu đi Mỹ. Anh có hơn 100 hộ gia đình vệ tinh (t-ong ứng với 300 - 400 lao động) ở làng và các vùng lân cận. Khi hàng hoá chạy, hợp đồng sản xuất một tháng lên tới 3 công-ten-nơ (40 vạn sản phẩm). Bằng một hệ thống các hộ gia đình vệ tinh dệt thuê, làm việc cả ngày và đêm, bằng cách giao dịch với họ qua điện thoại, anh đã hoàn thành những hợp đồng lớn nh- vậy đúng hạn và bảo đảm chất l-ong.

T-ong tự nh- vậy, đối với tổ hợp tác sản xuất của gia đình anh Sinh (chủ tịch xã La Phù): khi có hợp đồng xuất hàng đi Mỹ anh huy động tới 80 gia đình trong họ hàng và trong làng cùng tham gia sản xuất 220 nghìn chiếc mũ chỉ trong một tháng.

Sử dụng lao động theo kiểu "vệ tinh" còn có -u điểm đầu t- chi chi phí sản xuất/đầu ng-ời thấp. Chủ sản xuất chỉ cung cấp nguyên liệu (sợi len), và đầu t- máy dệt (đôi khi do vệ tinh tự mua), ngoài ra không mất các chi phí sinh hoạt, đi lại cho thợ hay nhà x-ởng, bến bãi, kho chứa hàng... Khi số l-ợng hàng xuất khẩu đủ, chủ La Phù chỉ việc gom hàng đóng công-ten-nơ ngay tại đầu làng rồi thuê xe chở thẳng xuống cảng Hải Phòng.

Nếu xây dựng một nhà máy dệt len với số l-ợng từ vài trăm đến vài nghìn công nhân, ta phải tốn rất nhiều tiền chi phí xây dựng nhà máy, kho bãi, nhà x-ởng, mua ph-ơng tiện đi lại, chuyên chở hàng hóa, chi phí sinh hoạt của công nhân, chi phí cho bộ máy quản lý điều hành sản xuất... Để giải quyết chỗ làm việc cho 15 - 17 nghìn lao động làm thuê nh- ở La Phù phải cần tới 50 nhà máy nh- vậy (trung bình khoảng 300 - 400 lao động/nhà máy).

Cách thức sử dụng lao động vệ tinh ở làng nghề La Phù còn có -u điểm phát huy hết khả năng của ng-ời lao động. Mỗi hộ gia đình nông dân ở đây đều là nhà x-ởng sản xuất, họ là

những ng-ời chủ, nên họ dồn hết sức lực, khả năng của mình cho công việc. Mặt khác do sản xuất tại nhà nên họ tận dụng đ-ợc sức lao động của gia đình vào từng công việc thích hợp, có thể làm ngày, làm đêm mỗi khi có hợp đồng gấp.

Nh- vậy, qua thực tiễn La Phù có thể thấy rằng so với công nghiệp thành thị thì công nghiệp ở nông thôn thu hút đ-ợc nhiều nhân lực hơn, do đó giải quyết vấn đề lao động d- thừa ở nông thôn tốt hơn. □ La Phù hiện nay có khoảng 26 công ty TNHH, trung bình mỗi công ty thu hút một l-ợng lao động từ vài trăm đến hơn một nghìn ng-ời. Bên cạnh đó, hàng chục tổ hợp sản xuất cùng các chủ hộ gia đình ở La Phù cũng có một chân rết lao động vệ tinh tới vài trăm ng-ời/hộ. Do đó, La Phù không những giải quyết tốt vấn đề lao động nông nghiệp d- thừa cho bản thân mình mà còn cho cả các vùng xung quanh.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Sinh Cúc (2003). *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới (1986 - 2002)*, Nxb. Thống kê.
2. Nguyễn Điền (1997). *Công nghiệp hoá nông thôn các n-ớc Châu Á và nông thôn Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đỗ Thị Hảo (1995). *Chuôn Ngọ làng khám trai truyền thống*, Sở Văn hoá- Thông tin Hà Tây.
4. Mai Thế Hồn, Hoàng Ngọc Hoà, Vũ Văn Phúc (2003). *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Vũ Hữu Ngoan (2001). *Tìm hiểu đ-ờng lối kinh tế trong nghị quyết đại hội IX của Đảng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. D-ong Bá Ph-ợng (2001). *Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hoá*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. *Qui hoạch tổng thể phát triển ngành nghề thủ công tỉnh Hà Tây đến 2010*, T- liệu của Sở Công nghiệp tỉnh Hà Tây.